

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2022-2023)

LỚP K16A-D1A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	GDQP	Số Đvht :						ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
					Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			
					LT	SH - DT	HĐCVC	GDPL	CT					
1	16011000	Nguyễn Thị Lan Anh	02/05/2002		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
2	16011001	Tô Thị Kiều Anh	21/02/2003		7.6	5.6	7.6	4.7	5.0	5.9	5.9	Trung bình		1=20.0%(5:3)
3	16011007	Đặng Linh Chi	19/09/2004		7.9	6.3	7.5	5.5	5.3	6.3	6.3	T.bình khá		
4	16011004	Võ Thanh Cường	29/10/2004		6.0	5.4	7.6	5.2	4.3	5.6	5.6	Trung bình		1=20.0%(6:3.6)
5	16011003	Nguyễn Minh Tiến Đạt	21/06/2003		7.6	5.5	7.7	5.5	5.7	6.3	6.3	T.bình khá		
6	16011004	Nguyễn Kim Dung	05/10/1993		8.0	7.3	8.1	6.5	6.4	7.1	7.1	Khá		
7	16011008	Kiều Trần Tùng Dương	01/08/2004		0.0	2.0	5.8	0.0	0.0	1.8	1.8	Yếu		4=80.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
8	16011021	Hạ Ánh Dương	11/10/2004		8.3	7.3	8.3	5.3	6.0	6.9	6.9	T.bình khá		
9	16011008	Vũ Thị Hương Giang	16/04/2004		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
10	16011000	Ngô Thị Thu Hà	20/03/2003		8.2	6.2	7.6	6.1	5.0	6.3	6.3	T.bình khá		
11	16011008	Nguyễn Thị Hải	07/04/2004		7.6	5.5	7.7	5.1	5.8	6.3	6.3	T.bình khá		
12	16011007	Cử Thu Hằng	11/09/2003		7.3	5.5	6.8	4.7	4.7	5.6	5.6	Trung bình		2=40.0%(5:3)(6:3.5)
13	16011001	Nguyễn Thị Hạnh	18/03/2003		7.3	5.8	6.6	5.5	6.0	6.1	6.1	T.bình khá		
14	16011006	Trần Thị Thu Hiền	02/05/2004		0.0	2.8	4.9	0.0	0.0	1.7	1.7	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
15	16011002	Nguyễn Thanh Hoa	05/05/2002		2.5	5.9	8.8	6.1	6.3	6.5	6.5	T.bình khá		1=20.0%(2:0)
16	16011004	Đặng Thị Hoàn	03/07/2003		7.5	6.4	7.1	5.7	5.5	6.3	6.3	T.bình khá		
17	16011038	Bùi Đăng Hoàng	10/09/2004		2.7	0.0	6.6	6.1	1.5	3.4	3.4	Yếu		3=60.0%(2:0)(3:0)(6:0)
18	16011002	Lê Thị Hoi	06/05/1987		7.4	6.8	8.2	6.3	5.9	6.8	6.8	T.bình khá		
19	16011000	Hoàng Thị Lệ	22/12/2000		7.3	6.4	7.6	6.9	6.0	6.7	6.7	T.bình khá		

				Số Đvht :	3	1	2	3	2	4				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)				
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	GDQP	LT	SH - DT	HĐCVC	GDPL	CT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011000	Hoàng Thảo	Linh	26/12/2003		0.0	0.0	0.0	0.0	1.4	0.5	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
21	16011002	Lê Thị Phương	Linh	07/02/2003		7.0	6.6	6.5	6.2	5.8	6.3	T.bình khá		
22	16011002	Đào Thị	Linh	29/08/2002		7.3	6.2	7.0	6.2	5.6	6.3	T.bình khá		
23	16011003	Nguyễn Thị	Linh	29/12/2003		7.6	6.1	7.4	6.3	5.4	6.4	T.bình khá		
24	16011003	Hoàng Khánh	Linh	27/03/2003		7.7	6.4	7.6	5.4	5.5	6.3	T.bình khá		
25	16011005	Hoàng Thị Hoài	Linh	08/06/2004		7.3	6.5	7.4	6.2	5.4	6.4	T.bình khá		
26	16011005	Nguyễn Thị Thu	Lụa	19/05/2004		0.0	2.9	5.3	0.0	1.2	2.2	Yếu		4=80.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
27	16011007	Nguyễn Thị Hồng	Ly	18/12/2004		7.2	6.5	7.0	6.5	6.7	6.8	T.bình khá		
28	16011006	Trương Trà	My	27/08/2004		0.0	2.8	4.8	0.9	2.0	2.5	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 0 (0.0%), Khá: 1 (3.6%), T.bình khá: 16 (57.1%), Trung bình: 3 (10.7%), Yếu: 8 (28.6%),

Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) GDQP: GDQP

(2) LT: LATIN

(3) SH - DT: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

(4) HĐCVC: HÓA ĐẠI CƯƠNG VÔ CƠ

(5) GDPL: GDPL

(6) CT: CHÍNH TRỊ